TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 231/2024/QĐST-HNGĐ	*Trà Cú, ngày 20 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 391/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Trường S, sinh ngày 02/8/1980; địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chổ ở hiện nay Khóm C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà Trầm Thị B, sinh ngày 15/12/1979; địa chỉ ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh; chổ ở hiện nay Khóm C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Trường S và bà Trần Thị B1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trường S và bà Trần Thị B1 thống nhất với nhau ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Trường S và bà Trần Thị B1 thống nhất có 02 người con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 05/9/2005 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 11/9/2015. Đối với con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 05/9/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về người nuôi dưỡng; đối với con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 11/9/2015 thì ông Nguyễn Trường S và bà Trần Thị B1 thống nhất giao cho bà Trần Thị B1 được được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (đây cũng là nguyện vọng của cháu H).

Ông Nguyễn Trường S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con (cháu H) mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung Nguyễn Trung H thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người đang nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trường S và bà Trần Thị B1 đã tự thỏa thuận xong và đề nghị Tòa án ghi nhận cụ thể:

+ Giao căn nhà tường cấp 4 xây dựng năm 2022 trị giá khoảng 250.000.000 đồng gắn liền với phần đất diện tích 100m^2, thuộc thửa 652, tờ bản đồ số 15, loại đất ODT, tọa lạc tại Khóm C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị B1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 05/9/2005 được quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, căn nhà và phần đất nêu trên con Nguyễn Kim N chỉ được đứng tên, quản lý và sử dụng, không được chuyển nhượng hoặc tặng cho người khác.

+ Giao phần đất diện tích 66m^2 thuộc thửa 1246, tờ bản đồ số 7, loại đất Trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị B1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 11/9/2015. Tuy nhiên, do con chung Nguyễn Trung H chưa đủ 18 tuổi nên tạm giao phần đất nêu trên cho bà Trần Thị B1 tạm quản lý, khi nào cháu H đủ 18 tuổi thì bà Trần Thị B1 sẽ giao phần thửa đất 1246 cho con Nguyễn Trung H quản lý và sử dụng.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bằng 150.000 đồng, ông Nguyễn Trường S và bà Trần Thị B1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Trường S tự nguyện nộp thay tiền án phí cho bà Trần Thị B1 nên bà Trần Thị B1 không phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình. Về án phí cấp dưỡng nuôi con bằng 150.000 đồng thì ông Nguyễn Trường S phải chịu. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Trường S đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002807, ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thì ông Nguyễn Trường S không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND thị trấn Định An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thạch Thuône